

Số: 1160/QĐ-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐĐH ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy trình hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban ĐT&CTSV ĐHH;
- Như Điều 3;
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, KT, BDCLGD, TT&PC;
ĐT&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Đức



**QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN
ĐỐI SÁNH VÀ SO CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHNL ngày 31 tháng 12 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Văn bản này hướng dẫn về việc tổ chức đối sánh và so chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) đại học và chương trình đào tạo (CTĐT) của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế trong nội bộ và các CSGD đại học tương đương trong nước và nước ngoài.

2. Văn bản này được áp dụng đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm, Viện và các tổ chức của Nhà trường (sau đây gọi chung là đơn vị).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy trình này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng của CSGD: Là sự đáp ứng mục tiêu do CSGD đề ra, đảm bảo các yêu cầu về các mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

2. So chuẩn: Là hoạt động so sánh kết quả các hoạt động thực tế của Trường hoặc của CTĐT với yêu cầu cần đạt được theo chuẩn mực do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc các tổ chức xếp hạng ngoài nước ban hành.

3. Đối sánh: Là hoạt động đối chiếu và so sánh chất lượng một CTĐT/các hoạt động của Nhà trường với CSGD/CTĐT đại học tương đương được lựa chọn.

4. Cải tiến: Là quá trình khắc phục những tồn tại và hạn chế của Nhà trường, được xác định sau khi đối sánh/tự đánh giá, đánh giá ngoài nhằm liên tục nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Thực hiện việc so chuẩn, đối sánh nhằm đánh giá đúng thực trạng chất lượng của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Từ đó, làm căn cứ xây dựng các giải pháp và kế hoạch cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

2. Kết quả so chuẩn, đối sánh phải thể hiện nghiêm túc, chính xác, kịp thời, trung thực và đảm bảo các thông tin theo yêu cầu của cải tiến chất lượng.

Chương II

HÌNH THỨC, ĐỐI TÁC VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐỐI SÁNH

Điều 4. Hình thức đối sánh

1. Đối sánh nội bộ: Là hình thức đối sánh số liệu giữa các đơn vị trực thuộc Trường theo định kỳ mỗi năm học hoặc số liệu của cùng một đơn vị tại các mốc thời gian khác nhau. Hoạt động đối sánh nội bộ do các đơn vị thuộc Trường phối hợp thực hiện theo quy trình.

2. Đối sánh ngoài: Là hình thức lựa chọn một số tiêu chí của Trường đối sánh với CSGD đại học tương đương theo định kỳ. Hoạt động đối sánh ngoài do các đơn vị thuộc Trường triển khai thực hiện, Phòng Khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế (KT, BĐCLGD, TT&PC) chủ trì và tổ chức thực hiện theo quy trình đối sánh ngoài

Điều 5. Đối tác thực hiện đối sánh

1. Đối tác là CSGD trong nước

- Là CSGD đại học công lập, có uy tín, đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định hoặc được đánh giá cao về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Là các CTĐT đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định trong và ngoài nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Ưu tiên lựa chọn các CSGD đại học có một số điểm tương đồng về: Mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển; quy mô giảng viên, người học; CTĐT.

- Sẵn sàng chia sẻ thông tin phục vụ đối sánh.

2. Đối tác là CSGD ngoài nước

Là CSGD đại học của nước ngoài trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

- Khu vực Đông Nam Á: Trường tham gia mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á – AUN.

- Khu vực khác: Đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định của các tổ chức có uy tín.

- Sẵn sàng chia sẻ thông tin phục vụ đối sánh.

- Ưu tiên các CSGD đại học có đào tạo một số ngành đúng hoặc ngành gần với các ngành đào tạo của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Điều 6. Quy trình thực hiện đối sánh nội bộ

Bước 1. Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC xây dựng kế hoạch và ra thông báo về các nội dung đối sánh theo đơn vị. Thời gian thực hiện trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

Bước 2. Các đơn vị tổ chức thu thập, cung cấp số liệu theo biểu mẫu, tiến hành phân tích, đánh giá, đối sánh đối với các chỉ số nội bộ trong đơn vị và gửi báo cáo cho phòng KT, BĐCLGD, TT&PC. Thời gian thực hiện trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

Bước 3. Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC tổng hợp số liệu báo cáo toàn trường. Thời gian thực hiện trước ngày 20 tháng 8 hàng năm.

Bước 4. Tổ chức đối sánh nội bộ giữa các đơn vị liên quan và hoàn thiện báo cáo. Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

Bước 5. Ban Giám hiệu phê duyệt báo cáo.

Bước 6. Căn cứ kết quả đối sánh ngoài, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết, kế hoạch hành động, các quy định về trách nhiệm, thời hạn đạt được và trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

Bước 7. Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến sau đối sánh.

Điều 7. Quy trình thực hiện đối sánh ngoài

Bước 1. Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC xác định các đối tác (trong và ngoài nước) dự kiến theo tiêu chí lựa chọn, nội dung thực hiện đối sánh trình Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục (BĐCLGD) của Trường xem xét, quyết định.

Bước 2. Hội đồng BĐCLGD của Trường thông qua và quyết định đối tác, nội dung thực hiện đối sánh.

Bước 3. Các đơn vị tổ chức thu thập dữ liệu từ đối tác theo biểu mẫu.

Bước 4. Các đơn vị tổ chức đối sánh các nội dung đối với lĩnh vực do đơn vị phụ trách và gửi kết quả cho phòng KT, BĐCLGD, TT&PC.

Bước 5. Hội đồng BĐCLGD của Trường họp thông qua báo cáo đối sánh tổng hợp toàn trường do phòng KT, BĐCLGD, TT&PC chuẩn bị.

Bước 6. Căn cứ kết quả đối sánh ngoài, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết, trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

Bước 7. Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến sau đối sánh.

Chương III

NỘI DUNG SO CHUẨN VÀ ĐỐI SÁNH

Điều 8. Các nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường

1. Bộ máy nhân sự

- Số lượng cán bộ viên chức và người lao động toàn trường.
- Tỷ lệ giảng viên/sinh viên.
- Tỷ lệ nhân viên, chuyên viên/sinh viên.
- Tỷ lệ giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Tỷ lệ giảng viên có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư.
- Tỷ lệ giảng viên, chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.
- Tỷ lệ giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm.
- Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan về bộ máy, nhân sự.

2. Hoạt động đào tạo

- Quy mô đào tạo
- Tỷ lệ người học nhập học so với tổng số trúng tuyển theo ngành/khoa.
- Tỷ lệ người học thôi học theo ngành/khoa.
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp theo ngành/khoa hàng năm.
- Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học theo ngành/khoa.
- Tỷ lệ của người học có việc làm sau tốt nghiệp từ 12 và 36 tháng.
- Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo.

3. Hoạt động NCKH

- Loại hình và số lượng NCKH của giảng viên, chuyên viên.
- Loại hình và số lượng NCKH của người học.
- Số lượng đề tài của giảng viên, người học được giải thưởng các cấp.
- Số lượng các công bố khoa học trong nước và tỷ lệ các công bố tính điểm trên tổng số công bố trong nước.
- Số lượng các công bố khoa học quốc tế và tỷ lệ các công bố tính điểm trên tổng số công bố quốc tế.
- Số lượng báo cáo, bài viết tại hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Số lượng sách, giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo được xuất bản trong nước và quốc tế.
- Số lượng các phát minh, sáng chế, sáng kiến, các tài sản sở hữu trí tuệ được công nhận, bảo hộ.
- Số nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường/cấp Đại học Huế.
- Hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
- Kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu.
- Tỷ lệ giảng viên hoàn thành định mức NCKH.
- Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan về NCKH.

4. Quan hệ, hợp tác trong và ngoài nước

- Quy mô các lĩnh vực, nội dung hợp tác trong và ngoài nước.
- Số chương trình liên kết, hợp tác đào tạo, chương trình trao đổi.
- Tỷ lệ các cam kết, thỏa thuận, ghi nhớ được triển khai.
- Các kết quả từ đề tài NCKH, dự án được chuyển giao.
- Tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan về quan hệ, hợp tác trong và ngoài nước.

5. Hoạt động phục vụ cộng đồng

- Số đợt/người tham gia các hoạt động thiện nguyện.
- Số đợt/người tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh, tư vấn và giới thiệu việc làm.
- Hiệu quả kết nối, hợp tác và phục cộng đồng thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

- Hiệu quả hợp tác và phục cộng đồng thông qua hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Kinh phí chi hỗ trợ, phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, cá nhân,... hỗ trợ kinh phí cho người học.

- Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động phục vụ cộng đồng.

6. Hoạt động BDCLGD

- Tổng số cán bộ, viên chức có chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tổng số cán bộ, viên chức có thể kiểm định viên.

- Tổng số cán bộ, viên chức tham gia các khóa tập huấn về BDCLGD, kiểm định CLGD.

Điều 9. Nội dung đối sánh với CSGD đại học khác

1. Kết quả đào tạo

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và quá hạn (trên tổng số người nhập học).

- Tỷ lệ người học thôi học hàng năm.

- Tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng và 36 tháng sau khi tốt nghiệp.

- Tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành đào tạo trong vòng 12 tháng và 36 tháng sau khi tốt nghiệp.

2. Kết quả NCKH

- Số lượng, chất lượng đề tài NCKH các cấp của giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên và người học.

- Số lượng đề tài NCKH của người học được giải thưởng cấp Quốc gia, cấp Bộ.

- Số lượng hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước.

- Số lượng giải pháp, sáng kiến hữu ích, sáng chế, sở hữu trí tuệ được công nhận.

3. Công bố khoa học và xuất bản giáo trình, sách

- Số lượng các công bố khoa học trong nước.

- Số lượng các công bố khoa học quốc tế.
- Số lượng báo cáo, bài viết tại hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.
- Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn được xuất bản trong nước và quốc tế.

4. Kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng

- Số lượt người tham gia các hoạt động thiện nguyện.
- Các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

5. Kết quả tài chính

- Tổng nguồn thu từ CSGD.
- Tổng nguồn thu từ dịch vụ đào tạo.
- Tổng nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ.

Điều 10. Nội dung đối sánh CTĐT

1. Bản mô tả CTĐT

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra.
- Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

2. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên phục vụ CTĐT.

3. Cơ sở vật chất phục vụ CTĐT.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai thực hiện so chuẩn, đối sánh

1. Trách nhiệm của phòng KT, BĐCLGD, TT&PC

- Xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh ngoài các hoạt động của Trường với các CSGD bên ngoài.
- Chủ trì triển khai lựa chọn, xác định CSGD để thực hiện đối sánh chất lượng.
- Chủ trì triển khai so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường.
- Thực hiện triển khai việc so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực BĐCLGD.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động của Trường.

2. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên

- Xây dựng kế hoạch so chuẩn, đối sánh chất lượng các hoạt động đào tạo.
- Phối hợp với các Khoa triển khai thực hiện việc so chuẩn, đối sánh chất lượng các CTĐT.

- Thực hiện triển khai việc so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Nhà trường về hoạt động đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra.

3. Trách nhiệm của phòng Tổ chức, Hành chính và Cơ sở vật chất, Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Thông tin thư viện, Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Thực hiện triển khai việc so chuẩn, đối sánh chất lượng hoạt động của Trường về lĩnh vực các phòng đang phụ trách.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh và chủ động thực hiện kế hoạch đã đề ra.

- Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc so chuẩn, đối sánh các CTĐT.

4. Trách nhiệm của các Khoa/Bộ môn có CTĐT

- Thu thập thông tin từ các đối tác được lựa chọn.
- Triển khai thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng các CTĐT do Khoa quản lý.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên việc phân tích số liệu so chuẩn, đối sánh của đơn vị chủ trì để thực hiện việc so chuẩn, đối sánh.

Điều 12. Lưu giữ, bảo mật số liệu và kết quả so chuẩn, đối sánh

1. Tất cả các đơn vị cá nhân tham gia đối sánh phải có trách nhiệm bảo mật và sử dụng đúng dữ liệu theo quy định.

2. Phòng KT,BĐCLGD, TT&PC có trách nhiệm lưu giữ, bảo mật toàn bộ số liệu, nội dung so chuẩn, đối sánh theo quy định.

3. Quyền sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh CSGD thuộc Ban Giám hiệu Nhà trường và các đơn vị thuộc Trường khi được Hiệu trưởng cho phép.

4. Các Khoa lưu giữ kết quả đối sánh CTĐT. Quyền sử dụng thuộc về lãnh đạo Khoa hoặc đơn vị, cá nhân được Hiệu trưởng cho phép.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung, phương pháp và trách nhiệm, các đơn vị tổ chức thu thập số liệu và chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về số liệu cung cấp.

2. Phòng KT, BDCLGD, TT&PC là đầu mối xây dựng kế hoạch chung, xây dựng các biểu mẫu phục vụ các hoạt động đối sánh, theo dõi tình hình, tiến độ thực hiện tại các đơn vị; tổng hợp kết quả, báo cáo Ban Giám hiệu; thực hiện rà soát, cải tiến những nội dung của quy trình này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi thông tin bằng văn bản về Phòng KT, BDCLGD, TT&PC để tập hợp, báo cáo Ban Giám hiệu chỉ đạo giải quyết./.



